TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:12/2017/HNGĐ- ST
Ngày 12/7/2017.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Thu – Chủ tịch Hội phụ nữ xã Đại Đồng.

2. Bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 12/7/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXX-ST ngày 13/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1980(có mặt)
Địa chỉ: Xóm 4, thôn R, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.
Bị đơn: Chị Đặng Phương L, sinh năm 1988 (vắng mặt)
HKTT: thôn R, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.
Địa chỉ: Số 18/6 ngõ 227 tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 29 tháng 3 năm 2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu V trình bày như sau:

Anh V kết hôn với chị L vào tháng 12 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã C một thời gian sau đó chuyển lên tỉnh Quảng Ninh sinh sống và làm việc. Đến giữa năm 2012 chị L và cháu Đ chuyển về thôn R, xã C sinh sống cùng bố mẹ chồng còn anh V tiếp tục làm việc và sinh sống tại Quảng Ninh. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chông không hợp nhau, không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống và anh V nghi ngờ chị L ngoại tình. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 03/2017 đến nay, không có biện pháp để

đoàn tụ. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu Minh Đ, sinh ngày 26/02/2012. Hiện tại anh V đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn anh V có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh V xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ngoài nội dung trên anh V không trình bày, yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị L xác định về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh V. Nay anh V có đơn ly hôn chị L đồng ý.

Chị L xác nhận vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Hữu Minh Đ, sinh ngày 26/02/2012, hiện tại cháu Đ đang ở với anh V. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị đồng ý ly hôn và đề nghị được nuôi con chung. Các đương sự không yêu cầu đóng góp phí tổn nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về việc chấp hành và tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo các quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Toà án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử vào hồi 7 giờ 00’ ngày 03/7/2017, Toà án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên toà cho các đương sự nhưng bị đơn là chị L vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà theo quyết định số 08/2017/QĐ-HPT ngày 03/7/2017. Phiên toà được mở lại vào hồi 7giờ30’ ngày 12/7/2017, các đương sự đã nhận được quyết định hoãn phiên toà và nguyên đơn là anh V có mặt tại phiên toà, bị đơn là chị L

vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Liên.

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là chị Đặng Phương L có đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn R, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nhưng hiện nay ở địa chỉ: Số 18/6 ngõ 227 tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình và anh V, chị L thỏa thuận Tòa án nhân dân huyện T giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu V kết hôn cùng chị Đặng Phương L vào tháng 12/2011 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T. Việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện do luật định nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung giữa họ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh V xin ly hôn, chị L đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị L vắng mặt tại phiên tòa nên không công nhận sự thuận tình ly hôn của họ được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Hữu Minh Đ, sinh ngày 26/02/2012. Hiện tại cháu đang ở cùng anh V. Sau khi ly hôn anh V, chị L đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Về chỗ ở chị L không có nhà, đang phải ở chung cùng bố mẹ đẻ ở số 18/6 ngõ 227 tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Hơn nữa, Tòa án đã yêu cầu chị L cung cấp tài liệu chứng minh công việc và mức thu nhập nhưng chị L không cung cấp. Trong khi đó căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do anh V cung cấp thì anh đang làm việc ở Công ty TNHH MTV 790 – Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc phòng có địa chỉ tại phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quang Ninh. Ngoài ra, anh lại có nhà ở ổn định tại thôn R, xã C, huyện T và ở cùng bố mẹ đẻ. Và kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Đ vẫn ở cùng với anh, do anh chăm sóc, chị L cũng ít khi về thăm con. Với mức thu nhập như trên, anh V, chị L có đủ điều kiện về vật chất, tinh thần để nuôi dạy con theo nguyện vọng của mình. Nhưng, với điều kiện hiện nay, anh V có điều kiện đảm bảo về vật chất cho con hơn chị L. Căn cứ vào điều kiện của vợ chồng và tránh mọi sự sáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm sinh lý cho cháu nên xét thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Hữu Minh Đ, sinh ngày 26/02/2012 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 203, 220, 227, 228 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hữu V, cho anh Nguyễn Hữu V được ly hôn chị Đặng Phương L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Minh Đ, sinh ngày 26/02/2012 cho anh Nguyễn Hữu V tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2012/02486 ngày 29/3/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Anh V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh*
- *VKSND huyện T*
- *Chi cục THADS huyện T*
- *UBND xã C, huyện T*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng*